

TIẾP CẬN LÝ THUYẾT ĐỐI THOẠI GIÁO DỤC

TRẦN THANH BÌNH*

Từ những năm 1970 đến nay, khởi đầu từ nguyên lý đối thoại của M. Bakhtin, lý thuyết đối thoại văn hóa trong nghiên cứu khoa học xã hội - nhân văn và lý thuyết đối thoại giáo dục trong nghiên cứu giáo dục học đã hình thành và ngày càng phát triển mạnh mẽ ở Ucraina và Liên bang Nga. Bài viết của chúng tôi bước đầu hệ thống hóa những nội dung cần thiết về cơ sở lý luận chung của đối thoại giáo dục với hi vọng: trong định hướng dạy học tiếp cận năng lực ở Việt Nam tới đây, việc cụ thể hóa những tiền đề của đối thoại giáo dục vào phương pháp tổ chức dạy học đối thoại sẽ được quan tâm rộng rãi hơn và thực hiện một cách bài bản hơn.

Từ khóa: đối thoại, đối thoại văn hóa, đối thoại giáo dục, dạy học đối thoại, tư duy đối thoại

Nhận bài ngày: 22/2/2019; *đưa vào biên tập:* 23/2/2019; *phản biện:* 27/2/2019; *duyet đăng:* 16/4/2019

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Hiện nay, giáo dục phổ thông ở nước ta đang chuyển mạnh từ chương trình giáo dục tiếp cận nội dung sang chương trình giáo dục tiếp cận năng lực. Theo đó, đổi mới phương pháp dạy học theo hướng dân chủ hóa, hướng đến học sinh; tích cực hóa hoạt động học tập, phát huy mọi khả năng sáng tạo của học sinh; chú trọng nhiều hơn đến các biện pháp, cách thức, hình thức hoạt động linh hoạt,

sáng tạo, hiệu quả; khơi dậy khả năng tích hợp, vận dụng kiến thức đã học để giải quyết các tình huống do cuộc sống đặt ra... nhằm chuyển hoạt động dạy học từ độc thoại sang đối thoại đã thực sự trở thành một trong những nhiệm vụ trọng tâm của lý luận dạy học hiện đại. “Trong đối thoại, mọi cái tôi sẽ được bổ sung và làm giàu cho nhau. Các cố chấp, ngộ nhận được phản biện (...). Đối thoại là con đường khắc phục mọi độc đoán (...). Đối thoại là con đường duy nhất để khám phá cái mới đích thực cho khoa học và nghệ thuật” (Trần Đình Sử, 2008:

* Nhà xuất bản Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh.

193-194), do vậy ngay từ những năm 1970, “trong lý luận dạy học hiện đại, một số nhà sư phạm đã đưa ra kiểu giờ học đối thoại... Trong xu thế đổi mới giờ học hiện đại, ở Nga, GS. Aizerman cũng đã đề cập đến kiểu giờ văn đối thoại” (Phan Trọng Luận, 2005: 619).

Trên cơ sở tham khảo một số tài liệu trong nước và nước ngoài, bài viết của chúng tôi bước đầu tổng hợp những nội dung cần thiết về cơ sở lý luận chung của đối thoại giáo dục với hi vọng: trong định hướng dạy học tiếp cận năng lực tới đây, dạy học đối thoại sẽ được quan tâm và cụ thể hóa một cách bài bản và rộng rãi hơn.

2. VÀI NÉT VỀ LỊCH SỬ PHÁT TRIỂN LÝ THUYẾT ĐỐI THOẠI

Đối thoại (từ tiếng Hy Lạp: *Dialogos*) là một hình thức tổ chức lời nói được đặc trưng bởi sự luân phiên lượt lời của hai hoặc nhiều người về một nội dung nhất định trong một hoàn cảnh giao tiếp nhất định. Đối thoại là hình thức thể hiện rõ nhất và trực tiếp nhất việc hiện thực hóa bản chất xã hội và chức năng giao tiếp của ngôn ngữ. Nói như M. Bakhtin (1993: 235): “Tồn tại có nghĩa là giao tiếp bằng đối thoại. Khi đối thoại kết thúc thì mọi sự cũng hết”.

Trong lịch sử hình thành và phát triển của lý thuyết đối thoại, người ta không thể không nhắc đến Socarates (469 - 399 trước Công nguyên), triết gia nổi tiếng của Hy Lạp cổ đại, cha đẻ của loại đối thoại triết học và giáo dục học mang tên ông – đối thoại kiểu Socrates.

“Cơ sở của ‘đối thoại kiểu Socrates’ – theo M. Bakhtin (1993: 107) - là quan niệm của Socrates về bản chất đối thoại của chân lý và của sự suy nghĩ của con người về chân lý. Phương thức dùng đối thoại tìm tòi chân lý đối lập với chủ nghĩa độc thoại quan phương vốn có tham vọng *chiếm hữu chân lý có sẵn*; nó cũng đối lập với sự tự tin ngây thơ của những người tưởng rằng họ biết được những cái gì đó thì tức là họ đã chiếm lĩnh được những chân lý nào đó. Chân lý không nảy sinh và không nằm trong đầu một con người riêng lẻ, nó nảy sinh giữa những con người đang cùng nhau đi tìm chân lý và trong quá trình giao tiếp, đối thoại giữa họ với nhau”. Trong đối thoại, Socrates luôn tạo ra sự đối chiếu các quan điểm khác nhau về một đối tượng nhất định và khơi gợi, kích động ngôn từ của người cùng đối thoại, buộc họ phải nói ra và nói hết ý kiến của mình, hướng họ đến thói quen tự đối thoại trong “cái tôi” để phát triển nhận thức; nói như K. Jaspers: “Ý nghĩa của triết lý kiểu Socrates là ta phải tự biết sự ngu dốt của mình và dần thân vào cuộc hành trình của tư tưởng. Socrates chính là triết gia của thứ tư duy luôn bồn ba trên đường, với hiểu biết duy nhất là sự không biết... với lòng tin là chân lý sẽ xuất hiện ở cuối con đường khảo hạch không nhân nhượng, rằng chính trong ý thức chân thật về sự không biết mà sự hiểu biết cốt tủy, sinh tử chứ không phải là hư vô, sẽ xuất hiện” (dẫn theo Plato, 2012: 67).

Lịch sử phát triển lý thuyết đối thoại cũng ghi nhận đóng góp lớn lao của Mikhail Mikhailovich Bakhtin (1895 - 1975) “nhà tư tưởng Xô Viết quan trọng nhất trong các ngành khoa học nhân văn và là nhà lý luận văn học vĩ đại nhất của thế kỷ XX” (Tzvetan Todorov, 2004: 11). Có thể nói: “Cốt lõi trong hệ thống tư tưởng của M. Bakhtin, cái đưa tên tuổi ông lên tầm nhà tư tưởng lớn của khoa học nhân văn thế kỷ XX là nguyên lý đối thoại” (Trịnh Bá Đĩnh, 2017).

Trong các trước tác của mình, M. Bakhtin nhiều lần nhấn mạnh: đối thoại là bản chất, là thuộc tính phổ quát của cuộc sống, ý thức, ngôn ngữ, văn học, của tư tưởng con người. “Ngôn ngữ chỉ sống trong sự giao tiếp đối thoại giữa những người sử dụng ngôn ngữ. Sự giao tiếp đối thoại chính là lĩnh vực đích thực của cuộc sống ngôn ngữ. Toàn bộ cuộc sống của ngôn ngữ, trong bất kỳ lĩnh vực nào sử dụng nó (sinh hoạt, sự vụ, khoa học, nghệ thuật...) đều thấm nhuần những quan hệ đối thoại” (M. Bakhtin, 1993: 172).

M. Bakhtin đã đem lại cho đối thoại một phạm vi hoạt động rộng lớn, một sức sống mới, khác với khái niệm đối thoại, hội thoại của ngôn ngữ học chỉ giới hạn trong phạm vi lời hỏi, đáp: “Đối thoại, trong nghĩa hẹp của thuật ngữ này, chỉ là một hình thức, mặc dù chắc chắn là cái quan trọng nhất của sự tương tác ngôn từ. Nhưng đối thoại có thể được hiểu trong một nghĩa, ý nghĩa rộng hơn mà theo đó,

nó không chỉ là sự giao tiếp ngôn từ trực tiếp và thuộc về lời nói miệng giữa hai người, mà còn là tất cả sự giao tiếp ngôn từ, bất kể hình thức của nó thế nào” (dẫn theo Tzvetan Todorov, 2004: 89). Theo đó, trong nguyên lý đối thoại của M. Bakhtin vừa có “đại đối thoại” – quan hệ đối thoại mang tính bản chất, bình đẳng giữa các tư tưởng của nhân loại trong cuộc sống, vừa có “tiểu đối thoại” – đối thoại nội tâm trong quá trình tự ý thức của mỗi cá nhân.

Trong quan điểm của M. Bakhtin có một luận đề hết sức quan trọng về “tính nhiều tiếng nói và nhiều ý thức độc lập không hòa vào nhau, tính độc lập thực sự của những tiếng nói có đầy đủ giá trị” (dẫn theo Trịnh Bá Đĩnh, 2017). Theo M. Bakhtin, mọi lời nói đều là những phản hồi đối với những lời nói trước đó và đều nhắm tới những đối tượng nhất định, đều diễn tả một cái gì đó trong quan hệ với một cái gì khác: “Không có diễn ngôn đầu tiên hoặc cuối cùng, và ngữ cảnh đối thoại cũng không biết đến các giới hạn (nó biến vào trong một quá khứ vô hạn và trong tương lai vô hạn của chúng ta). Thậm chí các ý nghĩa quá khứ, đó là các ý nghĩa đã hiện lên trong cuộc đối thoại của các thế kỷ quá khứ, chẳng bao giờ cố kết (hoàn tất một lần cho mãi mãi, và chấm hết), chúng sẽ luôn luôn thay đổi (đổi mới bản thân) trong tiến trình phát triển liên tục của đối thoại và còn tiếp diễn mãi mãi. Ở mọi khoảnh khắc của đối thoại, có những khối rất lớn và vô hạn

những ý nghĩa bị quên đi, nhưng trong một vài khoảnh khắc kế tiếp, khi cuộc đối thoại tiến về phía trước, chúng sẽ quay trở lại với ký ức và sống trong một hình thức được đổi mới (trong một ngữ cảnh mới)” (dẫn theo Tzvetan Todorov, 2004: 202-203).

Nguyên lý đối thoại theo tinh thần trên cũng được M. Bakhtin vận dụng thống nhất, triệt để để nghiên cứu văn hóa. Ông hiểu văn hóa như hình thức giao tiếp, đối thoại - ở đây là “đại đối thoại” - của những con người thuộc những nền văn hóa khác nhau: “Văn hóa có ở nơi (ít nhất) có hai nền văn hóa, và sự tự ý thức của nền văn hóa là hình thức tồn tại của nó trên ranh giới (tiếp xúc) với một nền văn hóa khác” (dẫn theo Trịnh Bá Đĩnh, 2017); “văn hóa tồn tại nơi những diễn ngôn được ký ức tập thể lưu giữ, những diễn ngôn mà mọi chủ thể phát ngôn nam hay nữ đều phải tự đặt mình vào trong mối quan hệ với nó” (Tzvetan Todorov, 2004: 13). Về hình thức, đối thoại văn hóa không chỉ là sự trao đổi giữa hai cá nhân (ít nhất) thuộc hai nền văn hóa khác nhau, hai cộng đồng văn hóa khác nhau mà còn bằng sự giao tiếp của con người với văn bản thông qua chữ viết và các hệ thống ký hiệu, biểu tượng khác.

Chính nguyên lý đối thoại và những gợi mở về đối thoại như phương thức tồn tại và phát triển văn hóa của M. Bakhtin đã góp phần hình thành cơ sở cho lý thuyết đối thoại văn hóa những năm tiếp sau của Vladimir Solomonovich Bibler (1918 - 2000) -

nhà triết học, sử học, văn hóa học nổi tiếng của Liên Xô (cũ).

Trong lý thuyết đối thoại văn hóa của V. Bibler⁽¹⁾, hai khái niệm mang tính quyết định, cốt lõi là “đối thoại” và “văn hóa”.

Đối thoại, theo V. Bibler: “không chỉ là sự giao tiếp của hai hay nhiều người về bất kỳ điều gì... Đối thoại - đó là sự khám phá những nghịch lý, những bất đồng về bản thân đối tượng trong chính tư duy của tôi về đối tượng đó. Những ý kiến khác không những chỉ nghe được từ bên ngoài mà còn được tái hiện ở trong tôi như một tiếng nói không thể bị phá hủy khi tôi có thể tái tạo luận điểm của người khác bằng lời nói bên trong của mình thậm chí còn sâu sắc và nghiêm túc hơn là chỉ nghe anh ta nói. Đó là đối thoại của những khái quát, logic, văn hóa khác nhau” (dẫn theo Berlyand, 1997: 124).

Văn hóa, theo V. Bibler, không chỉ là “tổng hợp sản phẩm của nhân loại”, mà còn là một hiện tượng đặc biệt của đời sống tinh thần cá nhân; nó cần được hiểu với ít nhất là 3 ý nghĩa:

1) Văn hóa là khả năng tự thay đổi, tự do, tự nguyện của một cá nhân liên quan đến hoạt động và trách nhiệm đối với hoạt động của mình; đó không phải là kết quả, sản phẩm của các lực lượng và quy luật hành động từ bên ngoài mà là khả năng sáng tạo của cá nhân.

2) Văn hóa là sự sáng tạo đầu tiên đưa thế giới thoát khỏi tình trạng mông muội; và khác với văn minh, văn

hóa luôn tái sinh và được tái sinh theo cách mới.

3) Văn hóa là sự đối thoại giữa các nền văn hóa.

Theo các ý nghĩa này, V. Bibler cho rằng: “Văn hóa - trong cảm hứng chủ đạo của thế kỷ XX - đó là tính ‘kế thừa’ sự gia tăng về số lượng các loại hình văn hóa độc lập, độc đáo, liên kết với nhau bằng đối thoại chứ không loại trừ nhau. Sự hình thành một nền văn hóa không phải là việc biến chuyển nền văn hóa này thành nền văn hóa khác, cũng không phải là nền văn hóa này xóa bỏ nền văn hóa kia trên các nấc của chiếc thang khai sáng” (dẫn theo Berlyand, 1997: 131). Các nền văn hóa lịch sử mang trong mình những hình ảnh khác nhau của thế giới, những cách hiểu khác nhau về thế giới. Những hình ảnh và cách thức này không bị “loại bỏ” trong quá trình phát triển của lịch sử mà vẫn tồn tại và có khả năng tiếp tục phát triển vô hạn trong không gian nhận thức của con người hôm nay. Văn hóa đương đại tiếp nhận các nền văn hóa đi trước không phải theo kiểu xây dựng một bậc mới cao hơn so với các bậc bên dưới và loại bỏ khỏi nó những thành tựu của các nền văn hóa đi trước mà là trong nó vẫn tồn tại đồng thời tiếng nói của các nền văn hóa đi trước đang đối thoại với nhau; và chỉ trong cuộc đối thoại này, các nền văn hóa mới bộc lộ được những phẩm chất của chúng.

Không chỉ xây dựng lý thuyết đối thoại văn hóa, V. Bibler còn đặt vấn đề xây

dựng khái niệm *con người văn hóa* (Chelovek Kul'tury) để thay thế cho khái niệm *con người học vấn* (Obrazovannyi Chelovek). Theo diễn giải của V. Osetinski (1999) về hai khái niệm này trong quan điểm của V. Bibler: con người học thức là con người “thấu hiểu đến ‘những khái niệm cuối cùng của khoa học’, làm chủ được ‘bức tranh khoa học của thế giới’, làm chủ được ‘phương pháp nhận thức khoa học’, luôn hướng ‘về phía trước và lên phía trên’ để đạt đến ‘sự phát triển toàn diện và tuyệt đối’ về trí tuệ, nhân cách, tâm hồn”; còn “con người văn hóa là những con người không chấp nhận các chân lý sẵn có, là con người tự do và tự chủ. Anh ta không chấp nhận chỉ suy nghĩ trong giới hạn của một hình thái duy nhất mà luôn vượt ra khỏi giới hạn đó để suy nghĩ một cách khác hơn bằng quan niệm của mình. Anh ta không chấp nhận những biểu tượng, những câu trả lời có sẵn mà luôn tự mình tìm cách giải quyết những vấn đề đó một cách độc đáo, mang dấu ấn cá nhân; và trong sự tìm tòi này, anh ta hết sức chú ý đến cuộc đối thoại vô tận với những những người có vốn văn hóa đa dạng, phong phú” (V. Osetinsky, 1993).

Với tuyên ngôn: “Đối thoại, chứ không phải độc thoại – mới thực sự là yếu tố thiết yếu của quá trình giáo dục và dạy học thế hệ trẻ một cách sáng tạo” (V. Bibler, 1992), năm 1976, tại Viện Nội dung và Phương pháp giáo dục thuộc Viện Hàn lâm Khoa học Giáo dục Liên Xô, V. Bibler đã trình bày một loạt báo cáo dưới tiêu đề: “Tranh luận

về những xác định lịch sử, nhân cách và giáo dục”, mở ra một hướng đi mới cho giáo dục. Trong loạt báo cáo này, V. Bibler đặt vấn đề: giáo dục hiện đại cần hướng tới nhiệm vụ xây dựng kiểu trường học mới để đào tạo con người văn hóa thay cho kiểu trường học truyền thống đào tạo con người học vắn. Trong nhà trường kiểu mới này, “kiến thức cũ được bao hàm trong kiến thức mới theo cấu trúc đối thoại giữa những lý tưởng cũ và lý tưởng mới” (dẫn theo O. Vyacheslavovna, 2009); “tư duy hiện đại được xây dựng theo mô hình văn hóa, khi những thành tựu cao nhất về tư duy, nhận thức, tồn tại của con người tham gia vào giao tiếp, đối thoại với các hình thức văn hóa trước đó” (dẫn theo O. Vyacheslavovna, 2009); trong trường học kiểu mới, năng lực đối thoại phải được đặt lên hàng đầu; hình thành tư duy đối thoại cho người học phải là nhiệm vụ xuyên suốt của quá trình giáo dục; và để văn hóa và tư duy của các thời đại khác nhau được chiếu lên toàn bộ quá trình giáo dục, “một trong những phương pháp dạy học cơ bản ở đây phải là dạy học đối thoại (Uchebnyy Dialog)” (I. Berlyand, 1992: 178).

Như vậy, chính V. Bibler cũng là người đã đặt nền móng cho việc triển khai lý thuyết đối thoại và lý thuyết đối thoại văn hóa vào lĩnh vực giáo dục - đối thoại giáo dục; và ông gọi đây là lý thuyết “trường học đối thoại văn hóa” (Shkola Dialoga Kul'tur – SDK) – một hệ thống quan điểm, khái niệm về giáo dục toàn diện dựa trên một logic

nhất định và một sự hiểu biết nhất định về văn hóa.

3. KHÁI LƯỢC VỀ LÝ THUYẾT ĐỐI THOẠI GIÁO DỤC (SDK)

Ngay từ những năm đầu 1970, một nhóm giáo viên (S. Kurganov, V. Litovsky...), dưới sự hướng dẫn của V. Bibler, đã bắt đầu xây dựng và triển khai một số giờ học theo hướng đối thoại ở một số trường học của thành phố Kharkov (Ucraina).

Năm 1987, tại Viện Hàn lâm Khoa học Giáo dục Liên Xô đã diễn ra hội nghị khoa học toàn Liên bang của các nhà nghiên cứu, đặc biệt là các giáo viên quan tâm đến giáo dục và dạy học đối thoại. Tại Hội nghị này, V. Bibler đã trình bày một loạt báo cáo dưới nhan đề chung “Đối thoại văn hóa và trường học thế kỷ XXI”, trong đó ông phát triển và hệ thống hóa toàn bộ những luận điểm chính của mình về đối thoại, đối thoại văn hóa, đối thoại giáo dục, chương trình giáo dục đối thoại, phương pháp dạy học đối thoại... Từ đó, trong các hội nghị, hội thảo tương tự được tổ chức liên tục từ năm 1988 đến năm 1994 tại Viện Hàn lâm Khoa học Giáo dục Liên Xô và Trường Đại học Khoa học Nhân văn Quốc gia Nga, lý thuyết và mô hình SDK đã trở thành một chủ đề thời sự, thu hút sự quan tâm chú ý của rất nhiều nhà nghiên cứu sư phạm, giáo dục nói riêng và nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn nói chung trên toàn lãnh thổ Liên Xô (cũ).

Năm 1992, tại thành phố Kharkov đã khánh thành Trường Trung học OCHAG;

mục tiêu là xây dựng và triển khai thực hiện các chương trình giáo dục theo nguyên lý đối thoại của M. Bakhtin, lý thuyết đối thoại văn hóa, lý thuyết SDK của V. Bibler và quan điểm tâm lý - giáo dục đối thoại do một nhóm các nhà tâm lý học, giáo dục học Nga và Ukraina thực hiện dưới sự chủ trì của V. Bibler.

Định hướng của chương trình giáo dục này, như V. Bibler đã chỉ ra, là giúp học sinh hiểu và kết hợp được trong tư duy của mình các phương pháp nhận thức khác nhau, biết chấp nhận sự tiếp xúc căng thẳng giữa các phương pháp nhận thức khác nhau. Theo đó, trong chương trình của Trường OCHAG (và sau đó, nhiều trường phổ thông khác ở Ukraina và Nga cũng triển khai ứng dụng), khái niệm “đối thoại” là then chốt.

Phương pháp đối thoại tạo điều kiện cho người tham gia đối thoại phát triển các phương thức và kỹ năng chứng minh, luận giải cho quan niệm của mình trên cơ sở khái quát, kết hợp với quan niệm của những người khác về một sự vật, hiện tượng nào đó. Đối thoại sáng tạo ra nội dung tư duy của tình huống giao tiếp và đương nhiên đòi hỏi các chủ thể phải biết từ bỏ quan niệm cá nhân cứng nhắc, chỉ có một cách duy nhất tiếp cận vấn đề; thay vào đó là sự tìm tòi chung, là thiện ý hợp tác phân tích kết quả của các chủ thể. Đối thoại cũng giúp phát triển kỹ năng biết dừng lại ở quan niệm của mình một cách có cơ sở và kỹ năng lắng nghe ý kiến của

người khác để tổng hợp, vươn tới tiếp cận chân lý. Như vậy, nói một cách ngắn gọn, “dạy học đối thoại bao gồm trong nó phát biểu của học sinh về suy nghĩ, quan điểm nhận thức của chúng. Những câu hỏi, phỏng đoán, giả thuyết, ‘ảo tưởng’, những vấn đề mà chúng tự đặt ra được thể hiện tập trung trong giờ học. Qua cách bộc lộ những phát biểu, tranh luận, chứng minh... đó, logic được bộc lộ trong nhận thức của mỗi học sinh. Học sinh không tái hiện những khái niệm được cung cấp, và nếu phải tái hiện, anh ta sẽ làm cho những khái niệm ấy trở thành đối tượng của sự xem xét, cân nhắc đồng ý/không đồng ý, chấp nhận/phản đối; từ đó xuất hiện khả năng về sự khác biệt, đa dạng của các ý kiến giữa các học sinh. Trong giờ học đối thoại, nhiệm vụ của giáo viên là giúp cho tiếng nói của học sinh này được thể hiện bằng tiếng nói của học sinh khác, giúp cho tầm nhìn, hiểu biết của học sinh này va chạm với tầm nhìn, hiểu biết của học sinh khác. Bằng cách thức này, học sinh không những ‘đồng hóa’ đối tượng học thuật và thể hiện nhận thức của mình mà còn tìm thấy chính mình trong sự va chạm, đối thoại với những nhận thức khác và biến đổi tượng nhận thức thành lời nói bên trong của mình” (I. Berlyand, 1997: 138-139).

Khi nghiên cứu lịch sử, triết học, văn học, nghệ thuật tạo hình... của một nền văn hóa lịch sử nhất định qua những bài học khác nhau, học sinh được tham gia vào “cuộc đối thoại

thông tuệ” với nền văn hóa này để hiểu hình dung của nó về thế giới, những vấn đề nó đặt ra về vũ trụ và đời sống con người, logic trong cách trả lời của nó cho những vấn đề đã đặt ra... Quan trọng là làm sao để ý nghĩa của tất cả những gì được học sinh nhận thức không đơn giản chỉ là những sự kiện của lịch sử văn hóa mà như là những vấn đề thời sự nóng bỏng đối với bản thân mình. Quá trình dạy học như vậy sẽ làm cho những ý nghĩa văn hóa khác nhau gặp gỡ, va chạm, xung đột với nhau trong nhận thức của học sinh. Chúng tự đặt ra cho mình những câu hỏi về các nền văn hóa lịch sử và tìm kiếm những câu trả lời, qua đó thu nhận được cách mô tả mới, những đặc tả mới để phát triển tầm nhìn, tư duy, hành động và cuộc sống của mình.

“Sự phát triển của một đứa trẻ có thể và cần được thể hiện không phải ở việc nó chiếm lĩnh thế giới chung giống mọi người mà là ở việc tự kiến tạo, tìm kiếm chính mình trong đối thoại với các chủ thể văn hóa. Nhiệm vụ của nhà trường là phải dạy cho trẻ hiểu được phát biểu của người đối thoại và phát triển tư duy qua đối thoại với người ấy” (V. Osetinsky, 1993). Đối thoại trong dạy học được định hướng không phải để có một “sản phẩm chung”, không phải để dẫn đến một cái duy nhất, chung cho tất cả các cách giải quyết vấn đề, mà để dẫn đến việc mỗi người tham gia đối thoại đều có thể làm sâu sắc thêm nhận thức, cách giải quyết vấn đề của chính

mình. Với cách tổ chức dạy học như vậy, học sinh học cách lắng nghe lẫn nhau, cách suy ngẫm về phát biểu của người khác, làm sâu sắc thêm suy nghĩ của mình qua đối thoại với người khác. Các hoạt động này khẳng định giá trị của mỗi thành viên trong cộng đồng học tập. Học sinh học cách hợp tác và nhận thức được giá trị của sự hợp tác, nhu cầu và giá trị của người khác, đặc biệt là nhận thức được tầm quan trọng và sức hấp dẫn của người có quan điểm khác, logic nhận thức khác. Cách tổ chức như vậy dẫn đến sự “phân cấp” trong ý thức, đồng thời nâng cao khả năng tự đánh giá về mình của học sinh: họ tự tin về giá trị thực sự của “cái tôi”, ý thức được “cảm giác trưởng thành” trong mình và sự cần thiết phải có được “khuôn mặt của chính mình”. Ngược lại, nếu không tổ chức được như vậy, dạy học đối thoại tất yếu sẽ lại trở về với hình thức phổ biến như hiện nay: nó đơn giản chỉ là đàm thoại giữa giáo viên với học sinh trong khi bản chất nội dung giáo dục, dạy học vẫn chỉ là độc thoại.

Cũng từ năm 1992, nhờ có sự tham gia của Nhà xuất bản ALEF (một nhà xuất bản tư nhân do hai giáo viên I. Panchishin và A. Dubikovsky thành lập), các ấn phẩm, tài liệu, chương trình, phụ lục... liên quan đến lý thuyết SDK được phổ biến rộng rãi hơn. Hiện nay, các nghiên cứu về chương trình giáo dục theo lý thuyết và mô hình SDK vẫn tiếp tục được đẩy mạnh bởi Phòng Nghiên cứu Dạy học đối

thoại nhân văn thuộc Trường Trung học OCHAG, Nhóm Nghiên cứu Đối thoại văn hóa thuộc Trường Đại học Khoa học Nhân văn Quốc gia Nga (RGGU), Nhóm Nghiên cứu Đối thoại thế kỷ XXI (Kiev); đồng thời hàng loạt các trường trung học khác ở Ucraina và Nga như Trường số 106 (thành phố Krasnaiarska), Trường số 7 (thành phố Chaikovski), Trường số 1.310 (thành phố Matxcơva)... cũng đã triển khai ứng dụng lý thuyết, mô hình SDK vào thực tiễn dạy học của mình. Từ năm 2005, những hội thảo thường niên về lý thuyết và thực hành SDK mang tên “Bol'shoy seminar” được tổ chức đều đặn tại Kiev (Ucraina). Những ấn phẩm về SDK cũng được công bố đầy đủ, kịp thời trên các trang <http://bibler.ru/index.html>, <http://www.culturedialogue.org/drupal/ru/>, trên niên giám “Arch”,...

Như vậy, đối thoại không chỉ là một tư tưởng triết học mà còn là một chiến lược quan trọng của giáo dục học hiện đại nhằm đáp ứng yêu cầu dân chủ hóa quá trình dạy học và hướng đến mục tiêu phát triển năng lực, nhân cách cá nhân học sinh; thúc đẩy và khai thác ở họ những khả năng, qua đối thoại, lĩnh hội kiến thức một cách tích cực, mang đậm dấu ấn cá nhân trong quá trình học tập và nhận thức thế giới.

4. KẾT LUẬN

Nhân loại đang tiến những bước tiến lớn trong thế kỷ XXI. Trong bối cảnh toàn cầu hóa, thế giới hiện đại như bức tranh đa chiều, đa thoại và tích

hợp, những thay đổi sâu sắc về kinh tế xã hội và văn hóa, lịch sử,... không thể không ảnh hưởng đến lĩnh vực giáo dục. Mọi hoạt động dạy học hiện đại không thể chỉ dừng lại ở việc giúp học sinh nắm được kiến thức, kỹ năng mà còn phải hướng đến nhiệm vụ giúp học sinh biết nhận thức, đánh giá, chọn lọc khi liên kết trong tư duy của mình các loại hình nhận thức khác nhau. Chính vì thế: “nhà trường phải hình thành được cho học sinh kiểu tư duy mà theo V. Bibler là ‘tư duy đối thoại’, được hiểu rằng, một đối tượng bao giờ cũng có thể được xem xét từ nhiều quan điểm khác nhau, rằng những logic nhận thức khác nhau đều quan trọng như nhau, và tư duy đó là yêu cầu sinh tử đối với con người thế kỷ XXI” (V. Osetinsky, 1993).

Với những giới thuyết đó, có thể nhìn thấy bóng dáng của lý thuyết đối thoại giáo dục đã hiện hữu khá rõ trong định hướng giáo dục tiếp cận năng lực của thế giới và Việt Nam hiện nay. Con đường lớn đi từ đối thoại đến đối thoại văn hóa và đối thoại giáo dục đã được M. Bakhtin, V. Bibler khai mở, nhưng việc cụ thể hóa các luận điểm này vào những lý luận và phương pháp dạy học cụ thể, việc kết hợp dạy học đối thoại với các phương pháp dạy học gần gũi khác như dạy học dựa trên sự phản hồi của học sinh, dạy học phát triển tư duy phản biện cho học sinh, dạy học tương tác hiệu quả, dạy học tích cực, dạy học hợp tác... thì vẫn đang là một chân trời rộng mở cho việc nghiên cứu tiếp theo. □

CHÚ THÍCH

⁽¹⁾ Sau này, toàn bộ các công trình, bài viết, báo cáo của V. Bibler được tập hợp trong cuốn *Những chiến lược*, 2002, Mátxcova.

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. Bakhtin, M. 1993. *Những vấn đề thi pháp Đốxtôiépki* (Trần Đình Sử, Lại Nguyên Ân, Vương Trí Nhàn dịch). Hà Nội: Nxb. Giáo dục.
2. Bakhtin, M. 2003. *Lý luận và thi pháp tiểu thuyết* (Phạm Vĩnh Cư dịch). Hà Nội: Nxb. Hội Nhà văn.
3. Berlyand I.Ye. 1992. *K postroyeniyu psikhologicheskoy kontseptsii SHDK // Shkola dialoga kul'tur*. Osnovy programmy. Kemerovo.
4. Berlyand, I.Ye. 1997. "Uchebnaya deyatel'nost' v shkole razvivayushchego obucheniya i shkole dialoga kul'tur"; *Diskurs*. № 3-4, <http://www.lit-mp.ru/materials/razv/berl.html>, truy cập ngày 24/6/2014.
5. Bibler, V.S. 1992. "Osnovy programmy 'Shkola dialoga kul'tur'", http://bibler.ru/shdkom_bi_os.html, truy cập ngày 10/3/2014.
6. Osetinsky, V.Z. 1993. "O dialogicheskoy prepodavanii literatury", <http://www.lit-mp.ru/materials/dialog/dialog1.html>, truy cập ngày 14/5/2016.
7. Phan Trọng Luận. 2005. *Tuyển tập*. Hà Nội: Nxb. Giáo dục.
8. Plato. 2012. *Đối thoại Socratic 1* (Nguyễn Văn Khoa dịch, chú giải và dẫn nhập). Hà Nội: Nxb. Tri thức.
9. Todorov, Tzvetan. 2004. *Mikhail Bakhtin – Nguyên lý đối thoại* (Đào Ngọc Chương dịch). TP HCM: Nxb. Đại học Quốc gia TP HCM.
10. Trần Đình Sử. 2008. *Lý luận và phê bình văn học*. Hà Nội: Nxb. Giáo dục.
11. Trần Thanh Bình. 2010. "Dạy học đối thoại – điều kiện để phát huy chủ thể học sinh", trong *Góp phần xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực*. Hà Nội: Nxb. Giáo dục Việt Nam.
12. Trịnh Bá Đĩnh. 2017. "Nguyên lý đối thoại của M. Bakhtin trong hệ hình lý luận đương đại", <http://vanvn.net/tu-doi-vao-van/nguyen-li-doi-thoi-cua-m-bakhtin-trong-he-hinh-li-luan-duong-dai/1248>, truy cập ngày 18/3/2018.
13. Vyacheslavovna, O.V. 2009. "Razvitiye dialogicheskogo myshleniya starsheklassnikov na urokakh literatury", <http://nauka-pedagogika.com/pedagogika-13-00-02/dissertaciya-razvitie-dialogicheskogo-myshleniya-starsheklassnikov-na-urokah-literatury>, truy cập ngày 16/5/2016.